

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PƯH  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 31/5/2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tiên Sỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Chu Xuân Toàn,  
2. Ông Phạm Văn Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thùy-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Chí T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị N. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Tạm trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà T trình bày:*

Vào ngày 30/3/2020, ông K và bà N có vay của tôi 387.000.000 đồng. ông K và bà N hẹn đến ngày 30/4/2020 trả. Tính đến ngày 02/2/2021 ông K và bà N còn nợ tôi 357.000.000 đồng. Tôi nhiều lần yêu cầu ông K và bà N trả nợ nhưng ông K và bà N vẫn không trả nợ cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông K và bà N có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho tôi 357.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi. Sự việc vay mượn giữa tôi với ông K và bà N không liên quan gì đến chồng của tôi là ông Huỳnh Công Th, do đó tôi đề nghị Tòa án không đưa

chồng của tôi tham gia tố tụng trong vụ án này. Ông Huỳnh Công Th là chồng của bà T đồng ý với lời khai của bà T và yêu cầu Tòa án không đưa ông Th vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông K và bà N trình bày:*

Ông K và bà N thừa nhận có vay và còn nợ của bà T 357.000.000 đồng như bà T trình bày. Hiện tại, ông K và bà N đồng ý trả nợ cho bà T nhưng ông, bà chưa có điều kiện để trả nợ cho bà T, mặc khác giữa ông K và bà T có làm ăn chung nhưng chưa đối chiếu được sổ sách kế toán nên sau khi đối chiếu sổ sách ông K sẽ trừ một phần khoản nợ với bà T hoặc sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Ngày 07/9/2020, nguyên đơn có đơn khởi kiện. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, bị đơn có nơi cư trú tại Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của giấy vay tiền:

Ông K và bà N viết giấy mượn tiền có nội dung: ngày 30/3/2020 Nguyễn Văn K và Huỳnh Thị N có mượn của bà Huỳnh Chí T số tiền 387.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 30/3/2020 đến ngày 30/4/2020, mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng. Nội dung này đã được các bên đương sự thừa nhận. Xét các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy vay tiền có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà T, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 357.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: việc ông K và bà N có vay và còn nợ của bà T 357.000.000 đồng là có thật, sự việc này đã được các bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ là ngày 30/4/2020, ông K và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc bà T cho ông K và bà N vay, mượn tiền không liên quan đến chồng của bà T là ông Huỳnh Công Th, sự việc này đã được các bên thừa nhận. Do đó, Tòa án không triệu tập và không đưa ông Th vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo như cam kết tại giấy mượn tiền, nên căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông K và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 357.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là ông K và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Huỳnh Thị Chí T.

**1.** Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Chí T số tiền nợ gốc là 357.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2.** Về án phí: Buộc bị đơn là ông K và bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.850.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn là bà T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 9.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008032 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

**3.** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Pưh (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Pưh (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Võ Tiến Sỹ**